



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 47

Ngày 15 tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-9-2015- Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 14-9-2015- Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND quy định về thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 18
- 30-9-2015- Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND về gia hạn hiệu lực của Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố các định mức kinh tế - kỹ thuật sử dụng cừ vách nhựa uPVC trong xây dựng công trình đê bao, bờ kè phòng chống sạt lở, triều cường, ngập nước kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 20

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 28-8-2015- Quyết định số 4269/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch xúc tiến đầu tư cho công nghiệp hỗ trợ của Thành phố năm 2015 - 2016. 22
- 08-9-2015- Quyết định số 4458/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần liên Phường 12 - 13 - 14, Quận 6. 29
- 11-9-2015- Quyết định số 4538/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 34
- 14-9-2015- Quyết định số 4565/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6. 36
- 16-9-2015- Quyết định số 4639/QĐ-UBND về tạm thời áp dụng các quy định của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 - 2016” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 18-9-2015- Quyết định số 4674/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận. 43

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy
Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 130/TTr-PCTT ngày 05 tháng 8 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 3967/STP-VB ngày 31 tháng 7 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3290/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân

Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, các Thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai
và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và phối hợp công tác của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tổ chức phối hợp thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có con dấu riêng, được cấp kinh phí từ ngân sách và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập và được kiện toàn hàng năm.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này quy định:

1. Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
2. Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ là tổng hợp các biện pháp tổ chức chỉ huy, điều

hành lực lượng, phương tiện để xử lý, ngăn chặn, khắc phục tình trạng nguy hiểm do sự cố thiên tai gây ra.

3. Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố gồm các thành viên:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Trưởng ban.

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban Thường trực.

c) Lãnh đạo Bộ Tư lệnh Thành phố làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

d) Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên biển, vùng ven biển Thành phố.

đ) Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, khắc phục hậu quả động đất, sóng thần.

e) Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai.

g) Các Ủy viên là lãnh đạo các sở - ngành, địa phương của Thành phố: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin

và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Thành Đoàn, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Tổng Công ty Điện lực Thành phố-TNHH, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi Thành phố, Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố), Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có cơ quan thường trực để kịp thời điều hành, chỉ huy, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của Ban:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Trụ sở: số 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, bộ máy nhân sự của đơn vị để giúp việc. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Tổ giúp việc cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố theo đề nghị của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 7. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống thiên tai.

b) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án, kịch bản

phòng, chống và ứng phó thiên tai trên địa bàn Thành phố; tổ chức việc chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức diễn tập theo phương án được duyệt.

c) Tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

d) Quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn Thành phố, bảo đảm mục tiêu luôn phát triển bền vững.

đ) Kiểm tra, đôn đốc việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh, phòng dịch, phương tiện, vật tư và trang thiết bị theo Phương châm “4 tại chỗ” để chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra.

e) Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

g) Tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

h) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất.

i) Tổ chức quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp của Nhà nước, tổ chức và cộng đồng để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

l) Tổ chức quản lý, thu - chi, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trong phạm vi địa bàn Thành phố.

3. Kiểm tra, đôn đốc các sở - ngành, đơn vị Thành phố; các cơ quan trú đóng trên địa bàn Thành phố và địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác phòng, chống,

ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

5. Kịp thời thông tin, dự báo, cảnh báo tình hình thiên tai cho các địa phương, đơn vị và nhân dân. Ban hành các công điện, công văn chỉ đạo, điều hành các địa phương, đơn vị thực hiện phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

6. Xây dựng kế hoạch quản lý, trang bị, dự trữ và kiểm tra phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng, thông dụng, vật tư, nhu yếu phẩm thiết yếu... phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tham mưu và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí cấp cho hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc tổ chức huy động, trưng dụng nhân lực, phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố và sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương, tỉnh bạn trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

7. Tham mưu, đề xuất các cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

8. Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 8. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu giúp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị, chỉ đạo về công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

b) Phối hợp với sở - ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

c) Kiểm tra, đôn đốc, xem xét đề xuất đầu tư, sửa chữa, vận hành công trình phòng, chống thiên tai, tập huấn, diễn tập, huấn luyện và trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của các địa

phương, đơn vị.

d) Xây dựng kế hoạch, phương án, đề án, kịch bản phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

đ) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc điều động, trưng dụng lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và tỉnh bạn để phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và pháp luật có liên quan.

e) Tổng hợp thiệt hại, nhu cầu cứu trợ và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các biện pháp và nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi Thành phố.

g) Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Xác định, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai; xây dựng, cập nhật các loại bản đồ phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng và vận hành các công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Triển khai kế hoạch tập huấn, huấn luyện, đào tạo, diễn tập về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng tài liệu, phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về pháp luật và kiến thức phòng, chống thiên tai và tổ chức thực hiện sau khi được Trưởng ban phê duyệt.

4. Triển khai công tác quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán, công khai kết quả thu Quỹ và báo cáo quyết toán thu - chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định của pháp luật liên quan.

5. Theo dõi, cập nhật các thông tin về tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, thiên tai; thực hiện công tác dự báo, cảnh báo đến các đơn vị, địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó.

6. Thực hiện nhiệm vụ trực ban theo quy định; thường xuyên báo cáo, thông tin tình hình chỉ đạo và kết quả thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sự cố thiên tai trên địa bàn Thành phố.

7. Quản lý công văn, tài liệu; quản lý con dấu, tài sản, tài chính của Ban Chỉ huy

Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định.

8. Tham mưu phương án điều hành hồ, liên hồ để tham gia cắt lũ, giảm lũ trong phạm vi cho phép của quy trình vận hành được Thủ tướng Chính phủ quy định.

9. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu, báo cáo phục vụ các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

10. Cập nhật, quản lý trang thông tin điện tử của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

11. Được sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; phương tiện, trang thiết bị của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão để giúp việc nhằm hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố. Cán bộ, công chức, viên chức của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tham gia thực hiện nhiệm vụ tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố được thanh toán theo chế độ kiêm nhiệm, làm thêm giờ, trực ban, công tác phí theo quy định.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban và Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ

Điều 9. Trưởng ban

1. Phụ trách toàn diện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

2. Quyết định duyệt chi từ nguồn ngân sách Thành phố, Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố sử dụng cho công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

3. Quyết định việc cho phép hoặc không cho phép tàu thuyền ra khơi khi có bão,

áp thấp nhiệt đới; cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai; sơ tán, di dời dân trong vùng nguy hiểm đến nơi an toàn, vận hành các công trình hồ thủy điện Trị An và hồ thủy lợi Dầu Tiếng trong mùa lũ hàng năm theo quy định.

4. Quyết định việc điều động, trưng dụng lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố; sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và tỉnh bạn để phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong các trường hợp khẩn cấp.

5. Chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 10. Phó Trưởng ban Thường trực

1. Trực tiếp chỉ đạo các tình huống khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố. Thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc thường xuyên; chỉ đạo, xử lý công việc khi Trưởng ban vắng mặt.

2. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở - ngành, quận - huyện thực hiện các phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó thiên tai. Thay mặt Trưởng ban ký công điện, công văn cảnh báo thiên tai, công văn chỉ đạo các sở - ngành, đơn vị Thành phố, quận - huyện thực hiện ứng phó thiên tai.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trình Trưởng ban duyệt chi từ ngân sách Thành phố, Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

4. Trực tiếp phụ trách và chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố - Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

Điều 11. Các Phó Trưởng ban

1. Phó Trưởng ban phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố:

a) Thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc khi Trưởng ban vắng mặt theo lĩnh vực phụ trách.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, các sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thiên tai.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

2. Phó Trưởng ban phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên biển, vùng ven biển Thành phố:

a) Thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc khi Trưởng ban vắng mặt theo lĩnh vực phụ trách.

b) Trực tiếp phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra sự cố, tai nạn tàu thuyền trên biển, vùng ven biển do thiên tai gây ra; triển khai các biện pháp, kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố khi có thiên tai.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

3. Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, khắc phục hậu quả động đất, sóng thần:

a) Thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc khi Trưởng ban vắng mặt theo lĩnh vực phụ trách.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về động đất, sóng thần và hướng dẫn sử dụng tin động đất, sóng thần nhằm nâng cao ý thức chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do động đất, sóng thần gây ra và quy hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án, chương trình phòng, chống thiên tai.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

4. Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai:

a) Thay mặt Phó Trưởng ban Thường trực giải quyết công việc khi Phó Trưởng ban Thường trực vắng mặt theo lĩnh vực phụ trách.

b) Đôn đốc, điều hành Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố. Được thay mặt Phó Trưởng ban Thường trực ký công điện, công văn cảnh báo thiên tai, công văn chỉ đạo các sở - ngành, quận - huyện thực hiện ứng phó thiên tai.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực phân công.

Điều 12. Các Ủy viên

1. Chủ động xây dựng chương trình công tác, thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại quận - huyện được phân công phụ trách.

2. Phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp về thiên tai. Trực tiếp cùng các đồng chí lãnh đạo địa phương được phân công phụ trách chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, PHỐI HỢP VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Cơ chế phối hợp giữa các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

1. Công tác chỉ đạo phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Chỉ huy thống nhất, phân công cụ thể, kịp thời, rõ ràng và sát hợp với diễn biến, tình hình thực tế.

b) Thiên tai xảy ra trên địa bàn của cấp nào thì cấp đó chủ động huy động mọi nguồn lực tại chỗ để nhanh chóng ứng phó, xử lý theo Phương châm “4 tại chỗ” ngay từ giờ đầu; tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan, ỷ lại. Trường hợp vượt quá khả năng tự ứng phó thì phải kịp thời báo cáo, thỉnh thị ý kiến cấp trên để được giải quyết, hỗ trợ.

c) Khi có nhiều thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố cùng tham gia ứng phó tình huống thiên tai trên cùng một địa bàn, Trưởng ban hoặc người được Trưởng ban ủy quyền là người chỉ huy cao nhất.

2. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có trách nhiệm chủ động thông tin, thông báo và phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Chế độ làm việc của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

1. Đảm bảo chế độ họp định kỳ (01 năm/01 lần) tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong năm và triển khai kế hoạch năm tiếp theo để thảo luận, đánh giá tình hình và quyết định chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. Trong trường hợp khẩn cấp sẽ tổ chức họp bất thường do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên

tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố quyết định triệu tập.

2. Giữa các kỳ họp, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố triển khai, kiểm tra, đôn đốc và giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, tổng hợp thông tin tình hình cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 15. Mọi quan hệ công tác của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

1. Đối với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo kịp thời và đề xuất, tham mưu những vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiệt hại do sự cố thiên tai.

3. Đối với các sở - ngành, đơn vị Thành phố, các cơ quan đóng trên địa bàn Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có trách nhiệm triển khai, phối hợp, hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đối với các quận - huyện: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Điều 16. Kinh phí hoạt động

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố được cấp kinh phí từ nguồn ngân sách Thành phố (thông qua Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) để đảm bảo cho các hoạt động thường xuyên theo dự toán được duyệt hàng năm.

2. Kinh phí hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố gồm những nội dung sau:

a) Tổ chức hội họp; công tác phí; vật tư, văn phòng phẩm; dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc; trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thanh toán hợp ngoài giờ cho các đại biểu tham dự để ứng phó với thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thu thập số liệu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; chế độ kiêm nhiệm cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Tổ giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; chi phí hành chính phục vụ công tác thu Quỹ Phòng, chống thiên tai và các chế độ khác theo quy định.

b) Mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện, sửa chữa lớn cho Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

c) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

d) Bồi thường và thanh toán vật tư, phương tiện, nhiên liệu và chi trả thù lao cho các tổ chức, cá nhân được huy động tham gia xử lý các tình huống khẩn cấp về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

3. Nguồn kinh phí hoạt động:

Ngân sách Nhà nước cấp phục vụ cho hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tại địa phương, đơn vị; cụ thể như sau:

a) Khối quận - huyện: sử dụng nguồn ngân sách quận - huyện được bố trí hàng năm. Trường hợp tình hình ngân sách quận - huyện có khó khăn, đề nghị Ủy ban nhân dân các quận - huyện có văn bản báo cáo gửi về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

b) Khối sở - ngành:

- Các sở - ngành, đơn vị: cân đối sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động tự chủ, nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị được cấp có thẩm quyền bố trí dự toán hàng năm.

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố: sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí hàng năm.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề chưa phù hợp cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 18. Các sở - ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Quy chế này để xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tại đơn vị, địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 20/TTr-STTTT ngày 28 tháng 8 năm 2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 4146/STP-VB ngày 04 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với các nội dung sau:

1. Đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet được phép hoạt động hàng ngày từ 08 giờ sáng đến 22 giờ đêm hàng ngày.

2. Thời gian hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tuân theo giờ mở, đóng cửa của địa điểm kinh doanh.

3. Tất cả các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng phải niêm yết công khai thời gian mở, đóng cửa hoạt động hàng ngày tại địa điểm kinh doanh.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về gia hạn hiệu lực của Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố các định mức kinh tế - kỹ thuật sử dụng cừ vách nhựa uPVC trong xây dựng công trình đê bao, bờ kè phòng chống sạt lở, triều cường, ngập nước kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 10540/SXD-KTXD ngày 11 tháng 9 năm 2015 về việc gia hạn các định mức kinh tế kỹ thuật sử dụng cừ vách nhựa uPVC trong xây dựng công trình đê bao, bờ kè,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay gia hạn thêm 01 năm (từ ngày 30 tháng 8 năm 2015 đến 30 tháng 8 năm 2016) cho các định mức kinh tế - kỹ thuật sử dụng cừ vách nhựa uPVC trong xây

dựng công trình đê bao, bờ kè phòng chống sạt lở, triều cường, ngập nước kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong thời gian gia hạn nêu trên (01 năm), giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chủ đầu tư hoàn chỉnh định mức để trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính thức (theo Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình).

Điều 2. Những nội dung khác không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên không thay đổi tại Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường-xã, thị trấn, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4269/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Kế hoạch xúc tiến đầu tư cho công nghiệp hỗ trợ
của Thành phố năm 2015 - 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 7166-CV/VPTU ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Văn phòng Thành ủy về ý kiến kết luận của Thường trực Thành ủy về mô hình, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến Thương mại - Đầu tư - Du lịch trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thí điểm mô hình nhà xưởng cao tầng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 7919/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch xúc tiến đầu tư cho công nghiệp hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015 - 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và khu công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015 - 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4269/QĐ-UBND

Ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Mục đích, yêu cầu:

- Thực hiện công tác xúc tiến đầu tư cho ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thông tin, thị trường, vốn, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo nguồn nhân lực không trái với cam kết WTO và các hiệp định thương mại, từ đó từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp.

- Hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ dựa trên lợi thế so sánh của Thành phố, theo hướng thay thế nhập khẩu và tham gia và chuỗi giá trị toàn cầu; tạo điều kiện để các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ từng bước tiến tới đáp ứng tốt các yêu cầu của nhà sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong và ngoài nước ở một số công đoạn, phụ tùng, linh kiện, bán thành phẩm cụ thể.

- Ưu tiên hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến việc tạo ra các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các ngành khác bao gồm cơ khí chế tạo, hóa nhựa cao su, điện tử - tin học, chế biến lương thực - thực phẩm, thiết kế thời trang.

- Đến cuối 2016, Thành phố sẽ hỗ trợ cho khoảng 100 doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ tạo ra các sản phẩm cụ thể có thể đáp ứng hoặc kết nối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong nước và nước ngoài.

II. Nội dung thực hiện:

Trên cơ sở mục đích, yêu cầu về công tác xúc tiến đầu tư phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ của Thành Phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố giao các đơn vị liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Công tác hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư cho ngành công nghiệp hỗ trợ

1.1 Giao Sở Công thương

- Chủ trì phối hợp cùng Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp, Ban Quản lý khu công nghệ cao, Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố chuẩn bị các tài liệu, tập san, thông tin giới thiệu, danh mục các dự án công nghiệp hỗ trợ kêu gọi đầu tư vào Thành phố.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - Tháng 12/2015

- Hoàn thiện hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp để chuyển đổi thành Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ và tư vấn doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Tháng 9/2015

- Xây dựng kế hoạch và quy chế xét chọn để triển khai Kế hoạch bình chọn các sản phẩm công nghiệp tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian thực hiện: Tháng 9/2015

1.2. Giao Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp, Ban Quản lý khu công nghệ cao

Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị quỹ đất, nhà xưởng sẵn sàng đáp ứng mặt bằng có gắn kết cấu mặt bằng hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ triển khai dự án đầu tư khi có nhu cầu; phối hợp xây dựng chính sách ưu đãi thu hút đầu tư của Thành phố cho ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước triển khai dự án có hiệu quả.

Thời gian thực hiện: Tháng 9/2015 - Tháng 6/2016

1.3. Giao Sở Ngoại vụ

Khi có các đoàn lãnh đạo, doanh nghiệp nước ngoài có thể mạnh về công nghiệp hỗ trợ đến làm việc, công tác tại Thành phố, Sở Ngoại vụ thông báo đến các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan để kết nối, tạo cơ hội gặp gỡ, tìm hiểu hợp tác đầu tư giữa doanh nghiệp của Thành phố và đối tác nước ngoài.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - 2016

1.4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với các đơn vị đưa các thông tin xúc tiến kêu gọi đầu tư của ngành công nghiệp hỗ trợ lên trang Web của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian thực hiện: Năm 2015 - 2016

2. Hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước cho công nghiệp hỗ trợ của Thành phố năm 2015 - 2016:

2.1. Giao Sở Công thương

- Tổ chức Triển lãm Quốc tế về công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong tháng 8 năm 2015 tại Thành phố nhằm tạo cầu nối, gắn kết các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ kiện trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015

- Tổ chức Hội chợ Quốc tế về công nghệ thông tin 2015 lần 6 (FECIT 2015) trong tháng 11 năm 2015 nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp tin học, công nghệ thông tin tăng cường phát triển xuất khẩu phần mềm.

Thời gian thực hiện: Tháng 11/2015

- Tổ chức hội thảo, hội nghị,... kết nối doanh nghiệp trong nước và nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,...). Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư mời gọi doanh nghiệp các tỉnh, nước ngoài vào đầu tư công nghiệp hỗ trợ tại Thành phố.

Thời gian thực hiện: Tháng 4/2016

2.2 Giao Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp

- Phối hợp với Tổ chức thúc đẩy ngoại thương Nhật Bản (Jetro) tại Thành phố Hồ Chí Minh để kêu gọi các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - 2016

2.3. Giao Ban Quản lý Khu công nghệ cao:

- Thúc đẩy tiến tới ký kết Biên bản hợp tác với tập đoàn Nidec về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Thời gian thực hiện: Tháng 9/2015

- Phối hợp với Sở Ngoại vụ triển khai biên bản hợp tác trong lĩnh vực kinh tế và công nghiệp giữa Ủy ban nhân dân Thành phố và chính quyền tỉnh Shiga, Nhật Bản với ngành công nghiệp chế tạo đứng thứ 4 Nhật Bản, tập trung vào ngành chế tạo máy móc và phụ kiện điện tử, máy móc và phụ kiện cơ khí, chế biến kim loại,....

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - Tháng 5/2016

- Ký kết mới, gia hạn Biên bản ghi nhớ với Thương vụ Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh (Kotra) về phát triển công nghệ hỗ trợ và thu hút đầu tư trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn. Hỗ trợ Kotra chuẩn bị tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đang quan tâm đầu tư vào Thành phố đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ hỗ trợ, đồng thời tiếp tục hỗ trợ các nhà cung cấp của Tập đoàn Samsung tới tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Thành phố.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - Tháng 12/2016

2.4. Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư (ITPC)

- Chủ động liên hệ, đẩy mạnh việc hợp tác với Tổ chức thúc đẩy ngoại thương Nhật Bản (Jetro) tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các buổi hội chợ, triển lãm và kết nối doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ hỗ trợ hàng năm tại Thành phố;

- Đàm phán với các tổ chức xúc tiến thương mại, ngoại thương có hoạt động trên địa bàn Thành phố (Jetro, Reed Tradex,...) nhằm tăng quy mô, nâng số gian hàng dành cho các doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ của Thành phố tham dự các hội chợ, triển lãm cung cầu công nghệ hỗ trợ tại Thành phố Hồ Chí Minh, từng bước phát triển thành khu vực hội chợ riêng biệt cho công nghệ hỗ trợ của các doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời phối hợp với Sở Tài chính tham mưu đề xuất kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi được lựa chọn tham gia các hội chợ, triển lãm này.

- Tăng cường phối hợp với các tổ chức thương mại của các nước tổ chức các diễn đàn kinh tế, thương mại song phương, tổ chức tuyển chọn và mời các doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ tiêu biểu cùng tham dự, hỗ trợ các nhà đầu tư trong và ngoài nước tăng cường kết nối giao thương.

Thời gian thực hiện: Năm 2015 - 2016

3. Tổ chức xúc tiến tại nước ngoài

3.1. Giao Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

Xây dựng chương trình đi xúc tiến đầu tư tại Đài Loan, Hàn Quốc hướng tới các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực linh phụ kiện, phụ tùng ô tô; công nghệ hỗ trợ ngành linh kiện điện tử, bao bì, cơ khí....

Thời gian thực hiện: Năm 2016

3.2. Giao Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố

- Phối hợp với tỉnh Shiga xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư công nghệ hỗ trợ công nghệ cao thu hút doanh nghiệp công nghệ tỉnh Shiga đầu tư vào Khu công nghệ cao.

Thời gian thực hiện: Năm 2016

- Phối hợp với Kotra xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao ngành vi mạch bán dẫn và thu hút các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp cần chuyên giao công nghệ phục vụ dự án của Tập đoàn Samsung đầu tư vào Khu công nghệ cao.

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2015 - 2016

3.3. Giao Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư

Phối hợp cùng các đơn vị liên quan nghiên cứu, lựa chọn các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Thành phố tham gia Chương trình xúc tiến tại nước ngoài theo kế hoạch hàng năm của Thành phố.

Thời gian thực hiện: Năm 2016

III. Tổ chức thực hiện:

- Lãnh đạo các đơn vị liên quan triển khai ngay các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt

- Sở Tài chính phối hợp, hỗ trợ các đơn vị được phân công thẩm định kinh phí và quyết toán nội dung thực hiện.

- Hàng quý có báo cáo tiến độ thực hiện gửi về cơ quan thường trực phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố (Sở Công Thương) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét giải quyết các vướng mắc và chỉ đạo thực hiện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4458/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch
chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000
Khu dân cư một phần liên Phường 12 - 13 - 14, Quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 6;

Căn cứ Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 7-8, Quận 6;

Căn cứ Công văn số 3066/UBND-ĐTMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi quy hoạch sử dụng đất tại hẻm 101 Tân Hóa, Phường 14, Quận 6;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2844/TTr-SQHKT ngày 17 tháng 8 năm 2015 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch: 0,1017 ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: bao gồm một phần ô phố có ký hiệu II-65 và ô phố II-83 thuộc bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6 được duyệt.

+ Phía Đông giáp: khu dân cư hiện hữu

+ Phía Tây giáp: đường Đặng Nguyên Cẩn

+ Phía Nam giáp: khu dân cư hiện hữu

+ Phía Bắc giáp: khu dân cư hiện hữu

2. Lộ giới tuyến đường liên quan:

Đường Đặng Nguyên Côn: 25m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ủy ban nhân dân Quận 6.

4. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6 được duyệt.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6.

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

1. Lý do, mục tiêu điều chỉnh cục bộ, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Phục vụ việc giải quyết các nhu cầu về giáo dục trong khu vực còn rất thiếu, góp phần tăng chỉ tiêu đất giáo dục trong khu vực Phường 12-13-14, Quận 6.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm ở (m ² /người)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối thiểu, tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất
Đồ án quy hoạch được duyệt	Một phần ô phố ký hiệu II-65 và ô phố II-83						
	Đất dân cư hiện hữu	0,0299	19	-	60	3-5	2-3
	Đất công trình công cộng	0,0718	-	-	40	5	2,2
Sau khi điều chỉnh cục bộ	Đất giáo dục (mầm non rặng Đông 13 - cơ sở 3)	0,1017	-	-	40-50	3	1,2-1,5

3. Các điểm lưu ý:

- Về tầng cao: số tầng bao gồm các tầng được quy định tại QCVN số 03:2012/BXD của Bộ xây dựng.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Quận 6 và các đơn vị có liên quan

- Ủy ban nhân dân Quận 6 có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6 những nội dung điều chỉnh nêu trên. Sau khi rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án này theo định kỳ thời hạn đã được quy định, cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần liên Phường 12-13-14, Quận 6 (trong đó có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội). Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban -

Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 13, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 14 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4538/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; và Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2727/VPCP-PL ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về kết quả kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật về ngành nghề kinh doanh và điều kiện kinh doanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3482/TTr-SGTVT ngày 19 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị số 26/2006/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban An toàn giao thông Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4565/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch
chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000
Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 6;

Căn cứ Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3025/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 8 năm 2015 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch: 0,2077 m².

- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: khu đất số 81 đường Bãi Sậy và số 38 đường Lê Trực, Phường 1, Quận 6 thuộc ô phố có ký hiệu I - 16 thuộc bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1 - 2, Quận 6.

+ Phía Đông : giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây : giáp đường Lê Trực.

+ Phía Nam : giáp hẻm quy hoạch.

+ Phía Bắc : giáp đường Bãi Sậy.

2. Lộ giới các tuyến đường liên quan:

- Đường Lê Trực : 12m.

- Đường Bãi Sậy : 16m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ủy ban nhân dân Quận 6.

4. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) đã được phê duyệt.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh cục bộ.

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Lý do, mục tiêu điều chỉnh cục bộ, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Phục vụ việc giải quyết các nhu cầu chính đáng về nhà ở, đất ở của người dân trong khu vực quy hoạch, điều chỉnh khu đất quy hoạch từ nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ thành đất giáo dục và đất ở hiện hữu.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Dân số (người)	Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm ở (m ² /người)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối thiểu, tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất	Ghi chú
Theo đồ án quy hoạch được duyệt	Một phần Ô phố ký hiệu I-16							
	Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ	0,207 7	240	-	40	12	5	
Sau khi điều chỉnh cục bộ	Đất giáo dục (trường mầm non Rạng Đông-cơ sở 2)	0,148 3	0	-	40-50	3	1,2-1,5	
	Đất ở hiện hữu	0,059 4	74	-	60	3-5	2-3	

- Các chỉ tiêu quy hoạch của đồ án quy hoạch trước và sau khi điều chỉnh cục bộ:

Chỉ tiêu quy hoạch		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ	Trước khi điều chỉnh	0,2077	8,65
	Sau khi điều chỉnh	0	0
Đất ở hiện hữu	Trước khi điều chỉnh	0	0
	Sau khi điều chỉnh	0,0594	8
Đất giáo dục (trường mầm non Rạng Đông-cơ sở 2)	Trước khi điều chỉnh	0	0
	Sau khi điều chỉnh	0,1483	-

3. Các điểm lưu ý:

Về tầng cao: số tầng bao gồm các tầng được quy định tại QCVN số 03:2012/BXD của Bộ xây dựng.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Quận 6 và các đơn vị có liên quan

- Ủy ban nhân dân Quận 6 có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1-2, Quận 6 những nội dung điều chỉnh nêu trên. Sau khi rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án này theo định kỳ thời hạn đã được quy định, cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1-2, Quận 6 (trong đó có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội). Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4639/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về tạm thời áp dụng các quy định của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 - 2016” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 - 2016”;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương tạm thời áp dụng các quy định của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 - 2016”;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về “miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015” cho năm học 2015 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này là một phần không thể tách rời của Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4674/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Phú Nhuận;

Căn cứ Quyết định số 6705/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp;

Căn cứ Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2708TTr-SQHKT ngày 06 tháng 8 năm 2015 về trình phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận với các nội dung chính như sau:

1. Địa điểm, vị trí, ranh giới, diện tích và tính chất khu vực quy hoạch:

- Địa điểm: Phường 3, quận Gò Vấp và phường 9, quận Phú Nhuận.
- Vị trí: căn cứ theo bản đồ hiện trạng số 18779/ĐĐBĐ-CNTĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 17 tháng 10 năm 2013.
- Ranh giới khu đất:
 - + Phía Đông: giáp đường Nguyễn Kiệm.
 - + Phía Đông Bắc: giáp đường Bạch Đằng và nút giao thông Nguyễn Thái Sơn - đường Phạm Văn Đồng.

+ Phía Tây Nam: giáp đường Mương Nhật Bản, đất giáo dục và đất hỗn hợp.

+ Phía Tây Bắc: giáp quận Tân Bình.

- Diện tích khu đất nghiên cứu lập nhiệm vụ (chưa trừ lộ giới các đường trong khu vực): khoảng 325.715,6 m².

- Tính chất khu vực quy hoạch: Khu công viên cây xanh tập trung.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết:

Khu quản lý giao thông đô thị số 3.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết:

Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nam Chí.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết:

- Thuyết minh;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/5.000;

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ hiện trạng giao thông, tỷ lệ 1/500;

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500, bao gồm:

• Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

• Bản đồ hiện trạng cấp điện và chiếu sáng;

• Bản đồ hiện trạng cấp nước;

• Bản đồ hiện trạng thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

• Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500;

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500, bao gồm:

• Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;

• Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng;

- Bản đồ quy hoạch cấp nước;
- Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
- + Bản đồ hiện trạng môi trường;
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.

5. Cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	CHỨC NĂNG	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH	286.492,20	87,96
1-1	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH	222.953,86	68,45
	Đất cây xanh	209.235,46	64,24
	Hồ cảnh quan-điều tiết nước	10.294,77	3,16
	Đất công trình	3.423,63	1,05
1-2	ĐẤT GIAO THÔNG	62.170,36	19,09
	Đường nội bộ và sân bãi	48.527,74	14,90
	Via hè	6.636,76	2,04
	Đất bãi xe nổi	7.005,86	2,15
1-3	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT	1.367,98	0,42
	Trạm ngắt Di Nguỵ	200,00	0,06
	Trạm biến áp Tân Sơn Nhất	1.030,78	0,32
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	137,20	0,04
II	ĐẤT DỰ ÁN KHÁC	39.223,44	12,04
	Đường Phạm Văn Đồng	14.456,25	4,44
	Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	3.304,34	1,01
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu A	1.376,38	0,42
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu C	4.636,96	1,42
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu D	1.521,67	0,47
	Đường Hoàng Minh Giám	13.927,84	4,28
TỔNG CỘNG		325.715,64	100,00

5.2. Các chỉ tiêu quy hoạch đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

a. Các chỉ tiêu quy hoạch:

- Mật độ xây dựng chung toàn khu: tối đa 5%
- * Khu vui chơi thiếu nhi : tối đa 15%
- * Khu cây xanh : tối đa 5%
- Tầng cao xây dựng công trình : tối đa 1 tầng

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp điện:
 - * Công trình công cộng : 100 VA/m²
- Chỉ tiêu cấp nước:
 - * Sinh hoạt : 150lít/người/ngày
 - * Công trình công cộng : 2,0 lít/m² sàn - ngày
 - * Rửa đường : 0,5 lít/m² sàn - ngày
 - * Tưới cây : 3,0 lít/m² sàn - ngày
 - * Chữa cháy: 15 l/s, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 2 đám trong 3 giờ.

Lưu ý: Tầng cao xây dựng công trình tính theo QCVN 03:2012/BXD.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Tổng diện tích 325.715,64 m² (gồm 286.492,2 m² đất công viên cây xanh và 39.223,44 m² đất ngoài công viên), tổng thể công viên Gia Định bị chia cắt bởi các tuyến giao thông cơ giới đường Hoàng Minh Giám, đường Phạm Văn Đồng nên chia khu đất làm 4 khu : Khu A, khu B, khu C, khu D

Khu A: Diện tích khoảng 56.671,61 m² (gồm 54.138,49 m² đất công viên cây xanh và 2.533,12 m² đất ngoài công viên) , là nơi nghỉ chân, dạo mát, khu vui chơi thiếu nhi khu sinh hoạt thể dục, thể thao và sinh hoạt cộng đồng của người dân trong khu vực. Trong khu A bao gồm:

- * Đất công viên cây xanh;
- * Đất công trình Thể dục - Thể thao;
- * Đất nút giao thông theo quy hoạch chung thành phố đã phê duyệt.

Khu B: Diện tích khoảng 81.773,72 m² là nơi đặt Ban quản lý công viên Gia Định và nơi sinh hoạt cộng đồng, thể dục, đi bộ, chạy bộ, nghỉ chân, dạo mát. Định hướng bố trí bãi đỗ xe ngầm tại khu B tiếp cận đường Kênh Nhật Bản với quy mô diện tích 11.500 m².

Khu C: Diện tích khoảng 109.328,28 m² (gồm 104.032,05 m² đất công viên cây xanh và 5.236,23 m² đất ngoài công viên) là khu công viên tĩnh với các rừng cây hiện hữu dày đặc. Tổ chức chủ yếu là cây xanh, hồ cảnh quan, đường đi bộ và một số công trình vui chơi trẻ em có mái che. Trong khu C bao gồm:

- * Đất công viên cây xanh
- * Đất nút giao thông theo quy hoạch chung thành phố đã phê duyệt

Khu D: Diện tích khoảng 50.508,38 m² (gồm 46.487,94 m² đất công viên cây xanh và 4.020,44 m² đất ngoài công viên) là khu công viên tĩnh theo dạng rừng cây nhiệt đới. Tổ chức chủ yếu là cây xanh, hồ cảnh quan, đường đi bộ. Trong khu D bao gồm:

- * Đất công viên cây xanh
- * Giao thông đối ngoại “đường Phạm Văn Đồng và đường Kênh Nhật Bản”
- * Đất nút giao thông theo quy hoạch chung thành phố đã phê duyệt

6.1. Khu A: Diện tích khoảng 56.671,61 m².

- Khu vực này đã hoàn tất và đi vào hoạt động với các chức năng quảng trường chính, hồ phun nước, trục chính rộng 17m, các đường đi bộ rộng khoảng 4m, các cụm cây xanh tập trung kết hợp chòi nghỉ và lối đi dạo.

- Tổ chức quảng trường làm sân chơi, thiết kế bố trí khu vực trò chơi cho trẻ em khoảng 732,21 m² và một số loại dụng cụ tập thể thao dọc đường đi bộ.

- Chuyển đổi khu đất hỗn hợp A1-31 (thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở) thành đất công viên cây xanh tập trung.

- Theo quy hoạch khu dân cư phường 3 Gò Vấp và quy hoạch quận Phú Nhuận đã phê duyệt có nút giao thông bán kính 100m lấn vào đất khu vực công viên.

- Theo quy hoạch khu dân cư phường 3 quận Gò Vấp và phường 9 quận Phú Nhuận đã phê duyệt thì khu vực nhà hiện hữu dọc đường Nguyễn Kiệm được chuyển đổi thành đất công viên với diện tích khoảng 2.225m².

- Sau khi giải tỏa số lượng nhà ở trên đường Nguyễn Kiệm sẽ tổ chức hai lối vào phụ tiếp cận công viên và tăng cường thêm cây xanh nhằm hạn chế khói bụi và tiếng ồn trên trục đường này.

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)
ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH		54.138,49	95,53
A-1	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH KHU A	41.043,09	72,42
	Đất cây xanh	40.737,69	71,88
	Đất công trình	305,40	0,54
A-2	ĐẤT GIAO THÔNG	13.020,70	22,98
	Đường nội bộ và sân bãi	11.275,82	19,90
	Via hè	1.542,48	2,72
	Đất bãi xe	202,40	0,36
A-3	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT	74,70	0,13
ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN		2.533,12	4,47
	Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	1.156,74	2,04
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu A	1.376,38	2,43
	TỔNG CỘNG	56.671,61	100,00

- Bảng tổng hợp các ô đất:

ST T	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	DIỆN TÍCH XD CT (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SĐĐ
I	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH		54.138,49	95,53%	0,80%	335,40		0,006
A	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH		41.043,09	72,42%	0,74%	305,40		0,007
1	ĐẤT MẶT NƯỚC		120,14	0,21%				
	A1-1	Đất mặt nước	120,14					
2	ĐẤT XÂY DỰNG CHÒI NGHỈ		328,08	0,58%				
	A1-2	Đất xây dựng chòi nghỉ	109,36					
		- Công trình chòi nghỉ				47,80	1	
	A1-3	Đất xây dựng chòi	109,36					

		nghi						
		- Công trình chòi nghi				47,80	1	
	A1-4	Đất xây dựng chòi nghi	109,36					
		- Công trình chòi nghi				47,80	1	
3	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP TRỒNG HOA		4.941,27	8,72%				
	A1-5	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	88,78					
	A1-6	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	123,83					
	A1-7	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	857,18					
	A1-8	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	795,36					
	A1-9	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	1.091,24					
	A1-10	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	249,80					
	A1-11	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	440,95					
	A1-12	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	835,79					
	A1-13	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	193,72					
	A1-14	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	264,62					
4	ĐẤT CÂY XANH MẶT ĐỘ CAO		15.597,1 5	27,52%				
	A1-15	Đất cây xanh mặt độ cao	1.456,54					
	A1-16	Đất cây xanh mặt độ cao	2.185,20					
	A1-17	Đất cây xanh mặt độ cao	1.213,33					
	A1-18	Đất cây xanh mặt độ cao	1.206,44					

	A1-19	Đất cây xanh mật độ cao	4.988,91					
		- Nhà bảo vệ				14,00	1	
	A1-20	Đất cây xanh mật độ cao	1.663,45					
	A1-21	Đất cây xanh mật độ cao	1.301,00					
	A1-22	Đất cây xanh mật độ cao	689,91					
	A1-23	Đất cây xanh mật độ cao	892,37					
5	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ THẤP		19.324,24	34,10%				
	A1-24	Đất cây xanh mật độ thấp	4.469,16					
	A1-25	Đất cây xanh mật độ thấp	998,18					
	A1-26	Đất cây xanh mật độ thấp	1.993,18					
	A1-27	Đất cây xanh mật độ thấp	1.490,54					
	A1-28	Đất cây xanh mật độ thấp	3.096,72					
		- Nhà quản lý- hội trường khu A				110,00	1	
	A1-29	Đất cây xanh mật độ thấp	2.068,91					
		- Công trình WC				38,00	1	
	A1-30	Đất cây xanh mật độ thấp	689,95					
	A1-31	Đất cây xanh mật độ thấp	4.517,60					
6	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP C.TRÌNH VUI CHƠI TRẺ EM		732,21	1,29%				
	A1-32	Đất cây xanh kết hợp công trình vui chơi trẻ em	732,21					

B	ĐẤT GIAO THÔNG	13.020,70	22,98%	0,05%			
	Đường nội bộ và sân bãi	11.275,82					
	Via hè	1.542,48					
	Bãi xe	202,40		0,05%	30,00	1	
C	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT	74,70	0,13%				
II	ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN	2.533,12	4,47%				
	Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn-Phạm Văn Đồng	1156,74	2,04%				
	Đường Kênh Nhật Bản xuyên qua Khu A	1376,38	2,43%				
TỔNG CỘNG		56.671,61	100,00%	0,59%	335,40	1	0,006

6.2. Khu B: diện tích khoảng 81.773,72m²

- Khu vực này đã hoàn tất và đi vào hoạt động phục vụ người dân với các chức năng quảng trường chính khoảng 1ha, các gò đồi cảnh quan, khu vực trồng hoa kết hợp cây bóng mát, trục chính rộng 20m, đường đi bộ rộng khoảng 2- 4m...

- Các cụm cây xanh tập trung kết hợp chòi nghỉ và lối đi dạo, nhà WC, quầy giải khát...

- Khu vực trục chính kết hợp quảng trường có đường kính rộng 62m làm trung tâm các hoạt động, là sân chơi, sân lễ hội vào các dịp lễ...

- Khu vực còn bố trí các loại hình trò chơi cho trẻ em, bên cạnh đó còn bố trí một số loại dụng cụ tập thể thao dọc đường đi bộ cho người dân.

- Định hướng bố trí bãi đậu xe ngầm tiếp cận đường Kênh Nhật Bản có diện tích khoảng 11.500m² phục vụ du khách và người dân trong khu vực

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)
	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH	81.773,72	100,00
A-1	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH KHU B	54.494,47	66,64

	Đất cây xanh	53.989,24	66,02
	Đất công trình	505,23	0,62
A-2	ĐẤT GIAO THÔNG	27.216,75	33,28
	Đường nội bộ và sân bãi	22.136,69	27,07
	Via hè	2.135,47	2,61
	Đất bãi xe nổi	2.944,59	3,60
A-3	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT	62,50	0,08
	TỔNG CỘNG	81.773,72	100,00

- Bảng tổng hợp các ô đất:

ST T	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	DIỆN TÍCH XD CT (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SDD
A	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH		54.494,4	66,64%	0,92 %	505,23		0,009
1	ĐẤT CÂY XANH QUẢNG TRƯỜNG		1.682,14	2,06%				
	B1-1	Đất cây xanh quảng trường	1.682,14					
2	ĐẤT XÂY DỰNG CHỖ NGHỈ		166,55	0,20%				
	B1-2	Đất xây dựng chòi nghỉ	129,29					
		- Công trình chòi nghỉ				39,90	1	
	B-43	Đất xây dựng chòi nghỉ	37,26					
		- Công trình chòi nghỉ				37,26	1	
3	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP TRỒNG HOA		8.185,66	10,01%				
	B1-3	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	1.300,96					
	B1-4	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	575,05					
	B1-5	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	406,33					
	B1-6	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	396,96					
	B1-7	Đất cây xanh kết	1.352,70					

		hợp trồng hoa					
	B1-8	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	1.356,84				
	B1-9	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	401,58				
	B1-10	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	404,62				
	B1-11	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	467,05				
	B1-12	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	1.058,84				
		Đất cây xanh kết hợp trồng hoa(trên trục chính)	464,73				
4	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ THẤP		35.786,89	43,76%			
	B1-13	Đất cây xanh mật độ thấp	891,96				
	B1-14	Đất cây xanh mật độ thấp	737,78				
	B1-15	Đất cây xanh mật độ thấp	470,21				
	B1-16	Đất cây xanh mật độ thấp	914,86				
	B1-17	Đất cây xanh mật độ thấp	673,66				
	B1-18	Đất cây xanh mật độ thấp	1.043,32				
	B1-19	Đất cây xanh mật độ thấp	419,65				
	B1-20	Đất cây xanh mật độ thấp	2.125,86				
	B1-21	Đất cây xanh mật độ thấp	1.536,03				
		- Công trình WC			45,00	1	
	B1-22	Đất cây xanh mật độ thấp	1.018,32				
	B1-23	Đất cây xanh mật độ thấp	1.474,40				
	B1-24	Đất cây xanh mật độ thấp	1.554,67				

	B1-25	Đất cây xanh mật độ thấp	2.053,40					
		- Công trình chòi nghỉ công nhân				52,60	1	
	B1-26	Đất cây xanh mật độ thấp	831,50					
		- Công trình chòi nghỉ				39,80	1	
	B1-27	Đất cây xanh mật độ thấp	2.654,92					
	B1-28	Đất cây xanh mật độ thấp	1.526,79					
	B1-29	Đất cây xanh mật độ thấp	7.062,22					
		- Nhà quản lý- điều hành				158,40	1	
		- Công trình WC				43,00	1	
	B1-30	Đất cây xanh mật độ thấp	2.416,27					
	B1-31	Đất cây xanh mật độ thấp	1.008,35					
	B1-32	Đất cây xanh mật độ thấp	762,31					
	B1-33	Đất cây xanh mật độ thấp	334,81					
	B1-34	Đất cây xanh mật độ thấp	597,70					
	B1-35	Đất cây xanh mật độ thấp	749,81					
		- Công trình chòi nghỉ công nhân				45,40	1	
		- Nhà bảo vệ				26,00	1	
		-Biển thể				17,87	1	
	B1-36	Đất cây xanh mật độ thấp	371,07					
	B1-37	Đất cây xanh mật độ thấp	535,80					
	B1-38	Đất cây xanh mật độ thấp	366,69					
	B1-39	Đất cây xanh mật độ thấp	1.269,32					

	B1-40	Đất cây xanh mật độ thấp	385,21				
5	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP C. TRÌNH VUI CHƠI TRẺ EM		8.318,44	10,17%			
	B1-41	Đất cây xanh kết hợp công trình vui chơi trẻ em	8.318,44				
6	ĐẤT MẶT NƯỚC		354,79	0,43%			
	B1-42	Đất mặt nước	354,79				
B	ĐẤT GIAO THÔNG		27.217,75	33,28%			
		Đường nội bộ và sân bãi	22.136,69	27,07%			
		Via hè	2.135,47	2,61%			
		Đất bãi xe	2.944,59	3,60%	36,00	1	
C	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT		62,50	0,08%			
TỔNG CỘNG			81.773,72	100,00%	0,6%	541,23	1 0,0066 2

6.3. Khu C: diện tích khoảng 109.328,28m². Định hướng phát triển là Khu công viên tĩnh với các rừng cây hiệu hữu dày đặc, hồ nước cảnh quan và điều tiết, tổ chức chủ yếu là cây xanh cảnh quan, quảng trường, đường đi bộ, chòi nghỉ, căn tin giải khát kết hợp quầy lưu niệm và một số công trình vui chơi giải trí có các chức năng như sau:

- ĐẤT CÂY XANH:

- * Đất cây xanh quảng trường
- * Đất cây xanh mật độ cao
- * Đất cây xanh kết hợp trồng hoa
- * Đất cây xanh mật độ thấp
- * Đất cây xanh kết hợp công trình vui chơi trẻ em có mái che
- * Hồ cảnh quan- điều tiết nước

- ĐẤT CÔNG TRÌNH:

- * Công trình chòi nghỉ
- * Nhà bảo vệ

- * Công trình WC
- * Cẩn tin - giải khát – quầy lưu niệm
- * Công trình vui chơi đa năng 1&2
- * Công trình vui chơi lái xe
- * Công trình vui chơi du quay
- * Công trình giải khát + WC
- * Các chòi trò chơi khác (3 công trình)

- Đây là khu vực tỉnh nên hạn chế tổ chức sân bãi tập trung lớn, trực chính và quảng trường kết hợp với vườn hoa, chiều rộng trực chính khoảng 8m, các trục đi bộ rộng từ 2- 6 m

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)
ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH		104.092,05	95,21
A-1	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH KHU C	86.146,33	78,80
	Đất cây xanh	77.593,56	70,97
	Hồ cảnh quan-điều tiết nước	6.194,77	5,67
	Đất công trình	2.358,00	2,16
A-2	ĐẤT GIAO THÔNG	17.945,72	16,41
	Đường nội bộ và sân bãi	11.763,90	10,76
	Via hè	2.958,81	2,71
	Đất bãi xe	3.223,01	2,95
ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN		5.236,23	4,79
	Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	599,27	0,55
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu C	4.636,96	4,24
TỔNG CỘNG		109.328,28	100,00

- Bảng tổng hợp các ô chức năng

ST T	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	DIỆN TÍCH XD CT (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SDD
I		ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY	104.092,05					

	XANH						
A	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH		86.146,33	78,80 %	2,74%	2.358,00	0,03
1	ĐẤT CÂY XANH QUẢNG TRƯỜNG		3.530,90	3,23%			
	C1-1	Đất cây xanh quảng trường	1.934,13				
	C1-2	Đất cây xanh quảng trường	1.371,07				
	C1-3	Đất cây xanh quảng trường	225,70				
2	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ CAO		15.450,46	14,13 %	0,42%	65,00	
	C1-4	Đất cây xanh mật độ cao	5.065,26				
	C1-5	Đất cây xanh mật độ cao	6.399,75				
	C1-6	Đất cây xanh mật độ cao	3.985,45				
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1
3	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP TRỒNG HOA		7.251,39	6,63%	0,37%	27,00	
	C1-7	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	2.559,72				
		- Nhà bảo vệ				27,00	1
	C1-8	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	2.441,27				
	C1-9	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	868,38				
	C1-10	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	396,13				
	C1-11	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	579,91				
	C1-12	Đất cây xanh kết hợp trồng hoa	405,98				
4	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ THẤP		42.575,65	38,94 %	1,53%	650,00	
	C1-13	Đất cây xanh mật độ thấp	6.783,97				
	C1-14	Đất cây xanh mật độ	4.920,10				

		thấp						
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	C1-15	Đất cây xanh mật độ thấp	5.014,77					
		- Công trình WC				60,00	1	
		- Biện thể				16,00	1	
	C1-16	Đất cây xanh mật độ thấp	1.740,02					
		- Nhà bảo vệ				27,00	1	
	C1-17	Đất cây xanh mật độ thấp	732,74					
	C1-18	Đất cây xanh mật độ thấp	1.596,71					
	C1-19	Đất cây xanh mật độ thấp	1.171,07					
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	C1-20	Đất cây xanh mật độ thấp	1.454,08					
		- Nhà bảo vệ				27,00	1	
	C1-21	Đất cây xanh mật độ thấp	3.058,14					
		- Cẩn tin - giải khát				260,00	1	
	C1-22	Đất cây xanh mật độ thấp	189,26					
	C1-23	Đất cây xanh mật độ thấp	5.924,94					
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	C2-1	Đất cây xanh mật độ thấp	1.332,84					
	C2-2	Đất cây xanh mật độ thấp	8.657,01					
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
5	ĐẤT CÂY XANH KẾT HỢP CÔNG TRÌNH VUI CHƠI TRẺ EM CÓ MÁI CHE		11.143,16	10,19 %	14,50 %	1.616,00		

	C2-3	Đất cây xanh kết hợp công trình vui chơi trẻ em có mái che	11.143,16					
		- Công trình vui chơi đa năng 1				400,00	1	
		- Công trình vui chơi đa năng 2				320,00	1	
		- Công trình vui chơi lái xe				200,00	1	
		- Công trình vui chơi du quay Thú				186,00	1	
		- Công trình giải khát + WC				210,00	1	
		- Các chòi trò chơi khác (3 công trình)				300,00	1	
6	ĐẤT CÂY XANH -MẶT NƯỚC		6.194,77	5,67%				
		Hồ cảnh quan- điều tiết nước	6.194,77					
B	ĐẤT GIAO THÔNG		17.945,72	16,41%		60,00		
		Đường nội bộ và sân bãi	11.763,90	10,76%				
		- Giàn hoa- dây leo						
		Via hè	2.958,81	2,71%				
		Đất bãi xe	3.223,01	2,95%				
	BX1	- Bãi xe số 1	1.476,56			30,00	1	
	BX2	- Bãi xe số 2	1.746,45			30,00	1	
II	ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN		5.236,23	4,79%				
		Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	599,27	0,55%				
		Đường kênh Nhật Bản xuyên qua khu C	4.636,96	4,24%				
TỔNG CỘNG			109.328,28	100%	2,21%	2.418,00	1	0,022

6.4. Khu D: diện tích khoảng 50.508,38m². Định hướng phát triển là Khu công viên nhiệt đới với các rừng cây hiệu hữu dày đặc, tổ chức chủ yếu là cây xanh, hồ

cảnh quan kết hợp điều tiết nước, đường đi bộ, chòi nghỉ, vệ sinh công cộng:

- ĐẤT CÂY XANH:

- * Đất cây xanh mật độ cao
- * Đất cây xanh mật độ thấp
- * Đất mặt nước , hồ cảnh quan kết hợp điều tiết nước.

- ĐẤT CÔNG TRÌNH:

- * Công trình chòi nghỉ
- * Nhà bảo vệ
- * Công trình WC.

- Đây là khu vực tĩnh với hình ảnh công viên nhiệt đới kết hợp hồ nước với các chủng loại cây đa dạng cả cây cổ thụ, cây cảnh quan, cây bụi, thảm cỏ và hệ thống cây phụ sinh; làm nên điểm khác biệt giữa hình ảnh công viên Gia Định với các công viên khác trong thành phố.

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)
ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH		46.487,94	92,04
A-1	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH KHU D	41.269,97	81,71
	Đất cây xanh	36.914,97	73,09
	Hồ cảnh quan-điều tiết nước	4.100,00	8,12
	Đất công trình	255,00	0,50
A-2	ĐẤT GIAO THÔNG	3.987,19	7,89
	Đường nội bộ và sân bãi	3.351,33	6,64
	Đất bãi xe	635,86	1,26
A-3	ĐẤT CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT	1.230,78	2,44
	Trạm ngắt Di Nguy	200	0,40
	Trạm biến áp Tân Sơn Nhất	1030,78	2,04
ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN		4.020,44	7,96
	Đường Phạm Văn Đồng	1.422,93	2,82
	Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	1.075,84	2,13
	Đường Kênh Nhật Bản qua Khu D	1.521,67	3,01
TỔNG CỘNG		50.508,38	100,00

- Bảng tổng hợp các ô chức năng:

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	DIỆN TÍCH XD CT (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SDD
I	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH		46.487,94	84,54%				
A	ĐẤT CÂY XANH & CÔNG TRÌNH		41.269,97	74,21%	0,62%	255,00		0,01
1	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ CAO		3.787,08	7,50%				
	D2-4	Đất cây xanh mật độ cao	3.787,08					
2	ĐẤT CÂY XANH MẬT ĐỘ THẤP		33.382,89	66,09%				
	D1-1	Đất cây xanh mật độ thấp	3.157,44					
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	D1-2	Đất cây xanh mật độ thấp	2.423,46					
	D1-3	Đất cây xanh mật độ thấp	1.526,48					
	D2-1	Đất cây xanh mật độ thấp	5.957,43					
	D2-2	Đất cây xanh mật độ thấp	1.103,33					
	D2-3	Đất cây xanh mật độ thấp	11.693,03					
		- Công trình WC				60,00	1	
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	D3-1	Đất cây xanh mật độ thấp	732,50					
	D3-2	Đất cây xanh mật độ thấp	5.881,72					
		- Công trình chòi nghỉ				65,00	1	
	D3-3	Đất cây xanh mật độ thấp	907,50					
3	ĐẤT CÂY XANH -MẬT		4.100,00	8,12%				

	NƯỚC						
		Hồ cảnh quan- điều tiết nước	4.100,00				
B	ĐẤT GIAO THÔNG		3.987,19	7,89%		30,00	
		Đường nội bộ và sân bãi	3.351,33	6,64%			
	BX3	- Bãi xe số 3	635,86	1,26%		30,00	1
C	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		1.230,78	2,44%		478,79	
	HT1	Trạm ngắt Di Nguy	200,00			73,79	1
	HT2	Trạm biến áp Tân Sơn Nhất	1.030,78			405,00	1
II	ĐẤT NGOÀI CÔNG VIÊN		4.020,44	7,96%			
		Đường Phạm Văn Đồng	1.422,93				
		Nút giao thông Nguyễn Thái Sơn- Phạm Văn Đồng	1.075,84				
		Đường kênh Nhật Bản xuyên qua khu D	1.521,67				
TỔNG CỘNG			50.508,38	93%	1,51%	763,79	1
							0,015

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch giao thông:

- Cập nhật theo đúng quy hoạch được duyệt các tuyến giao thông đối ngoại
- Tổ chức giao thông nội bộ mềm dẻo linh hoạt kết nối đồng bộ tổng thể công viên Gia Định.
- Khu C điều chỉnh quy hoạch bố trí hạn chế đường đi bộ phù hợp với chức năng khu công viên tỉnh
- Tổ chức các trục chính , trục phụ gắn liền với bãi đỗ xe nhưng vẫn tiếp cận thuận lợi với giao thông bên ngoài.
- Bên trong công viên Khu C - Đỗ chức các trục giao thông đi dạo, giao thông phục vụ với chiều rộng từ 2 - 4m. Đối với khu A, B hiện hữu là 4 - 12m.
- Tổ chức các quảng trường, trục chính cho các phân khu A, B, C để làm Sân chơi giải trí.
- Bố trí mới 2 bãi đỗ xe nổi trong khu C và 1 bãi xe nổi trong D có tổng diện tích

3.858,87 m².

- Định hướng bố trí 1 bãi đỗ xe ngầm dưới khu B tiếp cận bằng đường Kênh Nhật Bản có diện tích khoảng 11.500m² quy mô 5 tầng hầm có sức chứa khoảng 20 xe buýt, 1.500 xe ô tô và 2.000 xe máy.

- Bố trí 5 cầu vượt và 2 hầm chui kết nối các khu vực công viên bị chia cắt bởi giao thông cơ giới:

+ 2 cầu vượt băng ngang qua đường Hoàng Minh Giám theo thỏa thuận quy hoạch trước đây, kết nối khu A với khu B và C.

+ 1 cầu vượt gắn lối vào phụ trên đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi kết nối khu C - D.

+ 2 cầu vượt băng qua đường Kênh Nhật Bản kết nối khu B và khu C.

+ 2 hầm chui xuyên đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi kết nối khu C - D.

- Bảng thống kê các tuyến đường trong đồ án:

Stt	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Lộ giới (m)	Via hè trái (m)	Lòng đường (m)	Via hè phải (m)	Chiều dài (m)
I	ĐƯỜNG NGUYỄN KIỆM	1-1	40	8,5	23	8,5	
II	ĐƯỜNG BẠCH ĐẰNG	2-2	20	4	12	4	
III	ĐƯỜNG HOÀNG MINH GIÁM (ĐOẠN 1)	3-3	40	9	22	9	
IV	ĐƯỜNG HOÀNG MINH GIÁM (ĐOẠN 2)	4-4	30	4	22	4	
V	ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG	5-5	20	4	12	4	
VI	KHU A						
1	ĐƯỜNG A1	C-C			17		88
2	ĐƯỜNG A2	C-C			5		485
3	ĐƯỜNG A3	C-C			35		35
4	ĐƯỜNG A4	C-C			5		227
5	ĐƯỜNG A5	C-C			3		103
6	ĐƯỜNG A6	C-C			3		46
7	ĐƯỜNG A7	C-C			3		81
8	ĐƯỜNG A8	C-C			3		66
9	ĐƯỜNG A9	C-C			3		86
10	ĐƯỜNG A10	C-C			5		42

11	ĐƯỜNG A11	C-C			5		118
12	ĐƯỜNG A12	C-C			3		62
13	ĐƯỜNG A13	C-C			3		60
14	ĐƯỜNG A14	C-C			6		46
15	ĐƯỜNG A15	C-C			3		71
16	ĐƯỜNG A16	C-C			5		45
17	ĐƯỜNG A17	C-C			3		47
18	ĐƯỜNG A18	C-C			3		24
19	ĐƯỜNG A19	C-C			3		30
20	ĐƯỜNG A20	C-C			3		30
21	ĐƯỜNG A21	C-C			3		56
22	ĐƯỜNG A22	C-C			3		39
VII	KHU B						
1	ĐƯỜNG B1	C-C			20		118
2	ĐƯỜNG B2	C-C			10		175
3	ĐƯỜNG B3	C-C			4		175
4	ĐƯỜNG B4	C-C			4		175
5	ĐƯỜNG B5	C-C			5		175
6	ĐƯỜNG B6	C-C			3		28
7	ĐƯỜNG B7	D-D			2		28
8	ĐƯỜNG B8	C-C			5		98
9	ĐƯỜNG B9	C-C			3		101
10	ĐƯỜNG B10	C-C			6		131
11	ĐƯỜNG B11	C-C			3		61
12	ĐƯỜNG B12	C-C			6		114
13	ĐƯỜNG B13	C-C			6		54
14	ĐƯỜNG B14	C-C			6		137
15	ĐƯỜNG B15	C-C			3		85
16	ĐƯỜNG B16	C-C			5		129
17	ĐƯỜNG B17	D-D			2		181
18	ĐƯỜNG B18	C-C			5		145
19	ĐƯỜNG B19	C-C			5		173
20	ĐƯỜNG B20	C-C			10		262
21	ĐƯỜNG B21	D-D			2		191

22	ĐƯỜNG B22	D-D			2		128
23	ĐƯỜNG B23	D-D			2		64
24	ĐƯỜNG B24	D-D			2		56
25	ĐƯỜNG B25	D-D			2		48
26	ĐƯỜNG B26	C-C			5		219
27	ĐƯỜNG B27	C-C			5		80
28	ĐƯỜNG B28	B-B			8		170
29	ĐƯỜNG B29	B-B			5		101
30	ĐƯỜNG B30	B-B			5		45
31	ĐƯỜNG B31	C-C			6		66
32	ĐƯỜNG B32	C-C			3		24
33	ĐƯỜNG B33	B-B			3		50
34	ĐƯỜNG B34	C-C			3		73
35	ĐƯỜNG B35	C-C			3		58
36	ĐƯỜNG B36	C-C			5		35
37	ĐƯỜNG B37	C-C			5		35
38	ĐƯỜNG B38	C-C			5		30
39	ĐƯỜNG B39	C-C			15		70
VIII	KHU C						
1	ĐƯỜNG C1	C-C			6		283
2	ĐƯỜNG C2	C-C			6		28
3	ĐƯỜNG C3	C-C			4		57
4	ĐƯỜNG C4	C-C			4		457
5	ĐƯỜNG C5	D-D			2		150
6	ĐƯỜNG C6	C-C			4		87
7	ĐƯỜNG C7	C-C			4÷12		78
8	ĐƯỜNG C8	D-D			2		102
9	ĐƯỜNG C9	D-D			2		95
10	ĐƯỜNG C10	C-C			4		135
11	ĐƯỜNG C11	C-C			4		44
12	ĐƯỜNG C12	D-D			2		167
13	ĐƯỜNG C13	D-D			2		38
14	ĐƯỜNG C14	D-D			2		42
15	ĐƯỜNG C15	D-D			2		113

16	ĐƯỜNG C16	B-B			4÷6		55
17	ĐƯỜNG C17	B-B			2÷15		53
18	ĐƯỜNG C18	B-B			2÷12		76
19	ĐƯỜNG C19	B-B			3÷9		40
20	ĐƯỜNG C20	B-B			3÷9		36
21	ĐƯỜNG C21	B-B			2		57
22	ĐƯỜNG C22	B-B			2		50
23	ĐƯỜNG C23	B-B			4		57
24	ĐƯỜNG C24	B-B			4		63
25	ĐƯỜNG C25	C-C			4		281
26	ĐƯỜNG C26	C-C			4		60
IX	KHU D						
1	ĐƯỜNG D	C-C	40	4	12	4	79
2	ĐƯỜNG D1	C-C			4		170
3	ĐƯỜNG D2	C-C			4		45
4	ĐƯỜNG D3	C-C			4		350
5	ĐƯỜNG D4	D-D			2		68
6	ĐƯỜNG D5	D-D			2		190
7	ĐƯỜNG D6	C-C			4		46
8	ĐƯỜNG D7	D-D			2		113
X	ĐƯỜNG KÊNH NHẬT BẢN	A-A		3	8	3	802

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a.1 Quy hoạch cao độ nền:

- Áp dụng giải pháp san đắp cục bộ và hoàn thiện mặt phủ đến cao độ thiết kế khi xây dựng công trình trong khu vực.

- Độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,4\%$ (khu công trình công cộng, khu ở), $i \geq 0,3\%$ (khu công viên cây xanh).

- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất, đồng thời phù hợp với khu vực xung quanh.

- Hướng đổ dốc: tận dụng hướng dốc hiện trạng, hướng dốc từ giữa các tiểu khu

ra xung quanh.

a.2 Quy hoạch thoát nước mặt:

- Sử dụng hệ thống mương hở kết hợp với công ngầm bê tông cốt thép để tổ chức thoát nước mưa.

- Nguồn thoát nước: tập trung theo các tuyến cống chính, đổ về phía cống thoát nước trên đường Kênh Nhật Bản và đường Phạm Văn Đồng đi qua khu đất quy hoạch.

- Cống thoát nước mưa quy hoạch đặt ngầm, bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông trong khu vực.

- Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m; độ dốc cống tối thiểu được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch cống $i=1/D$.

b) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Nguồn điện: được cấp từ trạm ngắt Di Nguỵ hiện hữu gần khu quy hoạch.

- Xây dựng mới trạm biến áp 15-22/0,4KV, kiểu trạm phòng, công suất đơn vị $\geq 250KVA$.

- Mạng lưới cấp điện:

- Xây dựng mới mạng hạ thế, sử dụng cáp đồng bọc cách điện, định hướng xây dựng ngầm.

- Hệ thống chiếu sáng các trục đường, dùng đèn cao áp sodium, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

c) Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn cấp nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước hiện trạng Ø300 trên đường Hồng Hà từ nhà máy nước Thủ Đức.

- Tiêu chuẩn cấp nước: 150 (lít/người/ngày).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 1.293 (m³/ngày).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí mới các trụ lấy nước chữa cháy với khoảng cách giữa các trụ chữa cháy là 150m.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước có đường kính từ Ø100 trên các trục đường cung cấp nước đến từng khu vực sử dụng.

d) Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn**d.1 Thoát nước thải:**

- Giải pháp thoát nước thải: Nước thải được thu gom cục bộ theo từng khu vực, sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

- Tiêu chuẩn thoát nước: 150 (lít/người/ngày).

- Tổng lượng nước thải: 150 (m³/ngày).

d.2 Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom, phân loại và đưa đến trạm ép rác kín, sau đó vận chuyển về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

đ) Quy hoạch Thông tin liên lạc

- Định hướng đầu nối từ Đài điện thoại hiện hữu (Đài điện thoại Gia Định) xây dựng tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới Thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Quy hoạch gia tăng diện tích mảng xanh, gìn giữ cây lâu năm có giá trị.

- Quy hoạch giảm thiểu tối đa diện tích bê tông, tăng khả năng thấm và thoát nước.

- Bố trí các thùng rác công cộng trong công viên, sau đó rác được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý của Thành phố.

- Xây dựng mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho công viên.

g) Tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

8. Các nội dung cần phải lưu ý:

- Về chiều cao xây dựng công trình, chủ đầu tư cần thực hiện theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao

chương ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Về kiến trúc - cảnh quan: Công trình thiết kế cần hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan xung quanh và đảm bảo kết nối về hạ tầng kỹ thuật với các khu đất lân cận.

- Về phòng cháy chữa cháy và môi trường: Cần đảm bảo thực hiện theo quy định về phòng cháy chữa cháy của Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và về quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Việc đốn hạ cây trong công viên phải có sự chấp thuận của các cơ quan, sở ngành có liên quan trước khi thực hiện.

- Việc thiết kế, thi công bãi xe ngầm cần đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Trường hợp ranh giới và quy mô diện tích đất được giao có thay đổi so với diện tích của đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt này, chủ đầu tư cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết để cơ quan thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt lại theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Khu quản lý giao thông đô thị số 3 và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của ranh khu đất khu vực quy hoạch, các số liệu trong thuyết minh và hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổng thể công viên Gia Định tại quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận.

- Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp rà soát, cập nhật nội dung của đồ án này vào Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 tại khu vực đã được duyệt.

- Công tác cắm mốc giới theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt này cần thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường, nếu có sai lệch vị trí điểm nối kết hệ thống giao thông của đồ án được duyệt này với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt tại khu vực, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hướng dẫn xử lý và điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phải

đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh và các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thanh tra Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phường 9, quận Phú Nhuận, Khu quản lý giao thông đô thị số 3 và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng